

Bản án số: 35/2025/DS-ST

Ngày: 18 - 02 - 2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đoàn Văn Rỹ
- Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga – Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm, tuyên án vào ngày 18 tháng 02 năm 2025 đối với vụ án dân sự thụ lý số 702/2024/TLST-DS ngày 17/12/2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số A N, Thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Thùy Song T1, bà Bùi Thị Duyên H (Đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 18 tháng 6 năm 2024).
(Bà T1 có mặt, ông S và bà H cùng vắng mặt)

Người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T2, luật sư thuộc đoàn luật sư Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Võ Tuấn E, sinh năm 1987

Bà Đặng Thị Ngọc T3, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: I đường số D, Khu dân cư B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Cùng có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều T có ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Thùy Song T1, bà Bùi Thị Duyên H là người đại diện theo ủy quyền cùng thống nhất trình bày:

Bà T và vợ chồng ông Võ Tuấn E, bà Đặng Thị Ngọc T3 là chỗ làm ăn quen biết từ lâu (phân phối mặt hàng thực phẩm tại chợ đầu mối B). Từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 3 năm 2024, ông E và bà T3 đã nhiều lần vay của bà T với tổng số tiền là 708.000.000 đồng (không tính lãi suất).

Vì là bạn hàng quen biết lâu năm nên giữa hai bên không lập hợp đồng vay tiền nhưng việc vay tiền này đã được vợ chồng ông E, bà T3 thừa nhận (thể hiện qua vi bằng số 0131/2024/VB-TPLQ11 do Văn phòng T5 lập ngày 14-17/6/2024).

Hiện nay, do nhu cầu vốn làm ăn, bà T đã nhiều lần hỏi thúc ông E, bà T3 gấp rút trả tiền nhưng ông E, bà T3 tỏ ra thái độ cố tình lẩn tránh, không hợp tác và không đồng ý trả tiền.

Nhận thấy rằng hành vi của ông E, bà T3 đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó, bà Nguyễn Thị Kiều T đã khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân quận 8 buộc vợ chồng ông Võ Tuấn E, bà Đặng Thị Ngọc T3 hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kiều T số tiền đã vay là 708.000.000 đồng (Bảy trăm lẻ tám triệu đồng).

Bị đơn ông Võ Tuấn E và bà Đặng Thị Ngọc T3 cùng thống nhất trình bày như sau:

Ông Võ Tuấn E và bà Đặng Thị Ngọc T3 xác nhận bà Nguyễn Thị Kiều T là chỗ làm ăn quen biết từ lâu do cùng mua bán hàng hóa mặt hàng thực phẩm tại chợ Đ. Ông E và bà T3 xác định không vay tiền của bà T, số tiền còn nợ bà T là tiền mua bán hàng hóa mà ông E, bà T3 mua của bà T chưa thanh toán. Nay Ông Võ Tuấn E và bà Đặng Thị Ngọc T3 xác nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Kiều T số tiền chưa thanh toán là 708.000.000 đồng (Bảy trăm lẻ tám triệu đồng).

Do việc mua bán hiện đang gặp khó khăn nên ông E và bà T3 chưa có khả năng thanh toán hết khoản nợ ngay cho bà Nguyễn Thị Kiều T mà đề nghị được góp trả dần hàng tháng. Ông E và bà T3 cùng đề nghị bà T cho trả dần số tiền 708.000.000 đồng (Bảy trăm lẻ tám triệu đồng) theo phương thức mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn thống với bị đơn về việc xác nhận số tiền bị đơn ông E và bà T3 còn nợ không phải là tiền vay mà là tiền mà mua hàng chưa thanh toán.

Nay đề nghị bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 708.000.000 đồng (B trăm lẻ tám triệu đồng). Không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi. Không đồng ý cho bị đơn trả dần, yêu cầu bị đơn trả một lần, toàn bộ số tiền ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn giữ nguyên ý kiến tại biên bản hòa giải trước đây, xác nhận có mua hàng của nguyên đơn và còn nợ lại số tiền chưa thanh toán là 708.000.000 đồng. Nay do hoàn cảnh khó khăn, ông E và bà T3 chưa có khả năng thanh toán hết toàn bộ số tiền một lần cho bà T nên đề nghị được trả dần số tiền trên theo phương thức mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Xác định đúng tư cách đương sự; Thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng; Thu thập chứng cứ đúng theo quy định; Tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự; Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định; Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn tham gia tố tụng tại tòa án thực hiện đúng qui định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào đơn khởi kiện ban đầu của nguyên đơn Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên tại phiên tòa, cả hai bên cùng xác nhận số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là tiền nợ do mua bán hàng hóa tại chợ đầu mối B. Do đó, Tòa án xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án là về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Do ông Võ Tuấn E và bà Đặng Thị Ngọc T3 có địa chỉ cư trú tại Quận H nên căn cứ theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét bị đơn là ông Võ Tuấn E, bà Đặng Thủy Ngọc T4 cùng thống nhất xác nhận có mua bán hàng hóa với nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều T tại chợ đầu mối B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình mua bán, ông E và bà T4 xác nhận chưa thanh toán đầy đủ cho bà T. Nay ông E và bà T4 xác nhận còn nợ lại bà T số tiền chưa thanh toán là 708.000.000 đồng. Do đó, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận giao dịch dân sự giữa bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Võ Tuấn E, bà Đặng Thị Ngọc T3 là có thật và hợp pháp, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Đã hết thời hạn trả tiền cho bà T mà ông E, bà T3 không thực hiện là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó việc bà Nguyễn Thị Kiều T yêu cầu ông Võ Tuấn E và bà Đặng Thị Ngọc T3 thanh toán số tiền 708.000.000 đồng (Bảy trăm lẻ tám triệu đồng) là phù hợp với quy định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về ý kiến của bị đơn về việc đề nghị được trả dần số tiền nợ theo phương thức mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4]. Ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[5]. Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều T không phải chịu án phí, bị đơn là ông Võ Tuấn E và bà Đặng Thị Ngọc T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 32.320.000 đồng.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều T.

Buộc ông Võ Tuấn E và bà Đặng Thị Ngọc T3 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kiều T số tiền 708.000.000 đồng (Bảy trăm lẻ tám triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Tuấn E và bà Đặng Thị Ngọc T3 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 32.320.000 đồng (Ba mươi hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kiều T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.160.000 đồng (Mười sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0030925 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án

dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Quân